

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN ÔNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-58
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-38



CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Thế	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Nhi	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Bảo	Ủy viên
Ông Ngô Vi Anh Tú	Ủy viên
Ông Nguyễn Vinh Tuyên	Ủy viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Thế	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Nhi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Anh Chung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Xuân Hòa	Thành viên
Bà Hoàng Thị Mai Phương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

67703
GTY
HÀNH
THÉP
- ĐỨC
PIPE
- T. VĨNH

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Thế

Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được lập ngày 20 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		704.755.720.639	353.621.638.320
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	10.694.428.470	20.397.307.715
111	1. Tiền		10.694.428.470	20.397.307.715
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		404.808.917.233	200.831.544.060
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	349.031.229.711	212.465.250.379
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	78.412.046.380	7.581.659.174
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	10.714.773.340	14.193.766.705
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(33.349.132.198)	(33.409.132.198)
140	IV. Hàng tồn kho	10	282.130.201.401	129.281.929.578
141	1. Hàng tồn kho		282.130.201.401	129.281.929.578
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		7.122.173.535	3.110.856.967
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	-	3.110.856.967
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.122.173.535	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		413.583.596.971	461.421.515.618
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		104.000.000.000	130.000.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	104.000.000.000	130.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		108.557.980.112	132.111.940.252
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	93.581.412.349	116.786.984.902
222	- Nguyên giá		225.917.099.834	235.912.279.297
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(132.335.687.485)	(119.125.294.395)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	14.976.567.763	15.324.955.350
228	- Nguyên giá		18.288.889.829	18.288.889.829
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.312.322.066)	(2.963.934.479)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		33.464.848.723	26.815.009.675
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	33.464.848.723	26.815.009.675
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	156.185.774.151	156.017.723.852
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.950.000.000	79.950.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		77.515.000.000	77.515.000.000
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(1.279.225.849)	(1.447.276.148)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		11.374.993.985	16.476.841.839
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	11.374.993.985	16.476.841.839
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.118.339.317.610	815.043.153.938

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		597.720.425.080	321.112.895.935
310	I. Nợ ngắn hạn		577.106.514.380	300.899.841.235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	214.084.540.815	75.409.228.063
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		498.882.985	2.717.277.663
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	5.227.950.915	6.122.201.893
314	4. Phải trả người lao động		6.724.477.997	6.380.030.556
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	1.330.499.744	970.461.738
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		858.006.186	1.153.443.636
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	1.353.855.433	658.533.277
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	333.289.795.630	200.316.117.778
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		13.738.504.675	7.172.546.631
330	II. Nợ dài hạn		20.613.910.700	20.213.054.700
337	1. Phải trả dài hạn khác	18	20.613.910.700	20.213.054.700
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		520.618.892.530	493.930.258.003
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	520.618.892.530	493.930.258.003
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		375.997.100.000	375.997.100.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		375.997.100.000	375.997.100.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		69.835.386.699	67.810.722.053
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(15.990.198.846)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		26.337.674.100	21.081.546.919
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		48.448.731.731	45.031.087.877
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.027.777.877	24.740.598.524
421b	LNST chưa phân phối năm nay		39.420.953.854	20.290.489.353
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.118.339.317.610	815.043.153.938


Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng




Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	3.054.864.233.503	2.302.398.376.788
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	28.385.358.153	16.387.035.564
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.026.478.875.350	2.286.011.341.224
11	4. Giá vốn hàng bán	24	2.827.392.796.663	2.158.624.858.248
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		199.086.078.687	127.386.482.976
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	13.375.566.529	18.556.456.271
22	7. Chi phí tài chính	26	20.450.059.808	24.644.103.855
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		20.613.518.880	24.265.102.436
25	8. Chi phí bán hàng	27	93.593.487.387	44.998.629.659
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	28.972.232.893	41.795.904.017
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		69.445.865.128	34.504.301.716
31	11. Thu nhập khác	29	91.192.903	422.278.781
32	12. Chi phí khác	30	3.528.766.632	889.325.321
40	13. Lợi nhuận khác		(3.437.573.729)	(467.046.540)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		66.008.291.399	34.037.255.176
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	13.447.019.593	6.983.269.369
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		52.561.271.806	27.053.985.807



Nguyễn Thị Thúy
Người lập

Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		66.008.291.399	34.037.255.176
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		27.551.495.774	15.983.434.157
03	- Các khoản dự phòng		(228.050.299)	20.168.038.543
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(11.438.234.928)	(17.317.108.877)
06	- Chi phí lãi vay		20.613.518.880	24.265.102.436
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		102.507.020.826	77.136.721.435
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(211.349.917.819)	202.801.078.710
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(152.848.271.823)	123.407.925.358
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		134.936.544.904	(93.587.497.781)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		8.212.704.821	(1.909.435.536)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(20.445.841.480)	(24.381.441.482)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(11.513.918.848)	(4.928.281.691)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		20.000.000	30.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.338.232.727)	(1.239.810.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(151.819.912.146)	277.329.259.013
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.200.669.711)	(18.621.521.841)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		3.616.284.390	16.257.597.996
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		26.000.000.000	30.000.000.000
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(20.000.000.000)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	9.909.040.236
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		13.685.616.678	18.232.521.891
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		27.101.231.357	35.777.638.282
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		18.014.863.492	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		2.254.984.644.039	1.848.801.980.116
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(2.122.010.966.187)	(2.139.678.936.870)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(35.972.739.800)	(8.991.888.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		115.015.801.544	(299.868.845.704)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(9.702.879.245)	13.238.051.591

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		20.397.307.715	7.159.256.124
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>10.694.428.470</u>	<u>20.397.307.715</u>

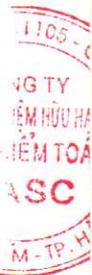



Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500267703 (số cũ: 1903000254) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 31 tháng 01 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 07 tháng 11 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Khu công nghiệp Bình Xuyên, Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 375.997.100.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 375.997.100.000 đồng; tương đương 37.599.710 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại ống thép, ống inox; Sản xuất các sản phẩm từ thép; Sản xuất kết bực, tủ sắt, kết sắt, thang sắt, đồ sắt tráng men; Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình...);
- Sản xuất khung bằng thép (khung nhà, kho...); Kéo dây sắt, thép; Dệt lưới thép, kim loại; Sản xuất thép không gỉ, inox;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn; Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Vận tải hành khách, hàng hóa, bê tông tươi đường bộ bằng ô tô;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Đối với tồn kho: Tồn kho tại ngày 31/12/2016 tăng cao hơn so với đầu năm là do: Giá cả thép thế giới tăng mạnh trở lại vì vậy Công ty đã mua tăng lên để phục vụ sản xuất cho các kỳ tiếp theo. Mặt khác, sản lượng sản xuất và bán hàng trong năm 2016 đối với thành phẩm cao hơn so với cùng kỳ năm 2015. Vì vậy để đảm bảo đủ lượng hàng bán trong các tháng, Công ty phải tăng dự trữ hàng tồn kho.

Đối với tình hình tiêu thụ: Do tình hình kinh doanh phải cạnh tranh quyết liệt giữa các nhà máy, đồng thời để đẩy lượng hàng sản xuất ra thị trường nhiều đòi hỏi Công ty phải có chính sách khuyến khích sản lượng cho từng khách hàng, từng vùng, từng thị trường và từng mặt hàng. Do vậy, Công ty phải thay đổi và đưa ra các chính sách chiết khấu theo sản lượng tiêu thụ để khuyến khích các nhà phân phối tập trung bán ống thép Việt Đức, chiết khấu thương mại theo đó tăng 85% so với số liệu cùng kỳ. Vì vậy trọng năm 2016, sản lượng bán hàng đối với thành phẩm của Công ty tăng gần 30% so với năm 2015, sản lượng bán hàng tăng dẫn đến hiệu quả hoạt động sản xuất của Công ty tăng lên đáng kể.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.

30/11/2016
CÔNG TY
NHIỆM HỮU
KIỂM TOÁN
IASC
HÀM - TP. P

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 05 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 05 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm chi phí thực tế bỏ ra để có quyền sử dụng đất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng, cụ thể như sau:

- Quyền sử dụng 60.700 m² đất tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 50 năm;
- Quyền sử dụng 2.720 m² đất tại xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với thời gian sử dụng 49 năm;
- Quyền sử dụng 1.577 m² đất tại phường Khai Quang và phường Liên Bảo, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với thời gian sử dụng 49 năm;

- Quyền sử dụng đất 330 m² tại Khu biệt thự nhà vườn, xã Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội là quyền sử dụng đất lâu dài và không trích khấu hao.

Trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả kinh tế cao nên Công ty đã thực hiện áp dụng mức khấu hao bằng 2 lần mức khấu hao theo đường thẳng đối với toàn bộ tài sản cố định (trừ nhà cửa vật kiến trúc và quyền sử dụng đất) để xác định kết quả sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này được kiểm soát bởi bên nhận thực hiện kế toán cho BCC.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty, các khoản tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán riêng là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán riêng;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	89.772.740	397.702.022
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.604.655.730	19.999.605.693
	<u><u>10.694.428.470</u></u>	<u><u>20.397.307.715</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	79.950.000.000	-	79.950.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	77.515.000.000	(1.279.225.849)	77.515.000.000	(1.447.276.148)
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	66.640.000.000	-	66.640.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	10.875.000.000	(1.279.225.849)	10.875.000.000	(1.447.276.148)
	157.465.000.000	(1.279.225.849)	157.465.000.000	(1.447.276.148)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	99,94%	99,94%	Sản xuất tôn cán nguội và ống thép cỡ lớn

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	28,60%	28,60%	Sản xuất thép chất lượng cao
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Tỉnh Vĩnh Phúc	30,64%	26,00%	Đầu tư kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ONG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Thép Tổng Hợp	31.222.004.602	34.486.001.583
- Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm	35.915.132.492	3.544.876.177
- Công ty Cổ Phần Xuất Nhập Khẩu và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	138.239.874.080	53.674.329.113
- Các khoản phải thu khách hàng khác	143.654.218.537	120.760.043.506
	<u>349.031.229.711</u>	<u>212.465.250.379</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>10.047.036.043</u>	<u>20.076.192.211</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.		

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi tiết theo người bán có số dư lớn				
- Công ty CP Bình Minh Vĩnh Phúc	-	-	2.600.753.374	-
- Công ty Cổ Phần Thương Mại Hiệp Hương	31.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Thương mại Thái Hưng	31.300.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần thép Hòa Phát	12.474.000.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	3.638.046.380	-	4.980.905.800	-
	<u>78.412.046.380</u>	<u>-</u>	<u>7.581.659.174</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay dài hạn	104.000.000.000	130.000.000.000
	<u>104.000.000.000</u>	<u>130.000.000.000</u>

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2011-NQ-VGP ngày 16/10/2011 và Hợp đồng, các phụ lục hợp đồng, Công ty đồng ý cho Công ty Cổ phần Sản xuất thép Việt Đức vay để đầu tư xây dựng nhà máy thép chất lượng cao. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất sẽ được áp dụng theo tỷ lệ lãi vay của các ngân hàng cho Công ty Cổ phần Sản xuất Thép Việt Đức vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.026.111.111	-	1.336.482.222	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	6.357.533	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	22.278.525	-
Tạm ứng	517.929.488	-	11.459.382.079	-
Ký cược, ký quỹ	8.920.200.000	-	1.307.438.550	-
Phải thu khác	250.532.741	-	61.827.796	-
	10.714.773.340	-	14.193.766.705	-

9 . NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty TNHH Trường Quang	9.866.128.448	-	9.926.128.448	-
- Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thiên Phúc Lộc	23.483.003.750	-	23.483.003.750	-
	33.349.132.198	-	33.409.132.198	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	154.926.711.261	-	37.399.615.736	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.888.780.037	-	6.218.506.252	-
Thành phẩm	105.985.687.546	-	82.152.518.474	-
Hàng hoá	13.329.022.557	-	3.511.289.116	-
	282.130.201.401	-	129.281.929.578	-

Trong đó: Một số hàng tồn kho luân chuyển được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số 19).

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	26.838.109.675	26.815.009.675
- Hạ tầng lô đất CC4 Khu đô thị mới Vân Canh ⁽¹⁾	8.574.545.454	8.574.545.454
- Dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh ⁽²⁾	18.250.076.663	18.226.976.663
- Chi phí quyền sử dụng đất Miền Nam	13.487.558	13.487.558
Mua sắm tài sản cố định	6.626.739.048	-
- Lắp đặt dây truyền máy móc thiết bị ⁽³⁾	6.626.739.048	-
	<u>33.464.848.723</u>	<u>26.815.009.675</u>

(1) Chi phí đang tập hợp là toàn bộ chi phí chuyển giao hạ tầng lô đất CC4 có chức năng xây dựng công trình công cộng tại Khu đô thị mới Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng kinh tế số 16/HUD-SGDBĐS ngày 29/01/2010. Tuy nhiên theo Công văn phúc đáp mới nhất của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị (HUD) ngày 10/12/2015, hiện tại lô đất CC4 thuộc giai đoạn 2 dự án Khu đô thị mới Vân Canh phải tạm dừng triển khai chờ điều chỉnh quy hoạch chi tiết phù hợp với quy hoạch phân khu đô thị S2.

(2) Hợp tác đầu tư dự án Khu đô thị mới tại Mê Linh với Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Việt Đức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2011 của Công ty và quyết định chấp thuận đầu tư số 2204/QĐ-UBND ngày 10/08/2010 của Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Vĩnh Phúc. Sau đó, Công ty tạm dừng đầu tư trong thời gian chờ phê duyệt dự án của Thủ tướng chính phủ theo quy định về thay đổi thẩm quyền phê duyệt dự án. Ngày 23/11/2015, theo Công văn số 2124/TTg-KTN, Thủ tướng Chính Phủ đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc chuyển mục đích sử dụng đất, dự án có đầy đủ cơ sở pháp lý để tiếp tục thực hiện đầu tư. Hiện nay, Công ty đang trong quá trình kêu gọi các nhà đầu tư góp vốn tiếp tục thực hiện dự án. Các chi phí đã phát sinh chủ yếu là chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng. Thông tin chi tiết về dự án xem tại thuyết minh số 18.

(3) Trong năm, Công ty đầu tư mua sắm, lắp đặt hệ thống máy cắt, máy uốn ống với tổng giá trị đầu tư dự toán là 8 tỷ đồng. Toàn bộ chi phí đang tập hợp trên khoản mục mua sắm tài sản cố định là chi phí mua máy cắt, máy uốn ống và vật tư tiêu hao liên quan đến giai đoạn lắp máy.



CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	96.670.542.413	115.626.399.677	22.016.762.489	1.598.574.718	235.912.279.297
- Mua trong năm	1.200.000.000	8.350.830.663	-	-	9.550.830.663
- Thanh lý, nhượng bán	-	(18.578.719.217)	(967.290.909)	-	(19.546.010.126)
Số dư cuối năm	97.870.542.413	105.398.511.123	21.049.471.580	1.598.574.718	225.917.099.834
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	30.958.773.287	79.809.977.337	7.198.030.582	1.158.513.189	119.125.294.395
- Khấu hao trong năm	3.657.232.173	17.789.251.280	5.335.610.705	421.014.029	27.203.108.187
- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.549.373.428)	(443.341.669)	-	(13.992.715.097)
Số dư cuối năm	34.616.005.460	84.049.855.189	12.090.299.618	1.579.527.218	132.335.687.485
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	65.711.769.126	35.816.422.340	14.818.731.907	440.061.529	116.786.984.902
Tại ngày cuối năm	63.254.536.953	21.348.655.934	8.959.171.962	19.047.500	93.581.412.349

Trong đó:

- Tổng chi phí khấu hao trong năm tăng lên do thực hiện tính khấu hao gấp 2 lần mức khấu hao đường thẳng 11.772.938.007 đồng;
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 66.999.867.849 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Số dư cuối năm	18.219.064.829	69.825.000	18.288.889.829
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.894.109.479	69.825.000	2.963.934.479
- Khấu hao trong năm	348.387.587	-	348.387.587
Số dư cuối năm	3.242.497.066	69.825.000	3.312.322.066
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	15.324.955.350	-	15.324.955.350
Tại ngày cuối năm	14.976.567.763	-	14.976.567.763

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	3.034.291.037
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	76.565.930
	-	3.110.856.967
b) Dài hạn		
Giá trị lợi thế kinh doanh của quyền sử dụng đất	6.235.082.357	6.411.546.952
Chi phí thuê kho, thuê văn phòng	2.520.000.000	3.600.000.000
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.386.103.611	5.153.770.814
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	233.808.017	1.267.078.683
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	44.445.390
	11.374.993.985	16.476.841.839

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ	VND	nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP XNK và Thương Mại Tổng Hợp Miền Bắc	67.809.748.960	67.809.748.960	59.109.193.116	59.109.193.116
- Công ty Cổ phần Thương mại và Vận tải Việt Đức	65.372.867.565	65.372.867.565	8.833.147.921	8.833.147.921
- Phải trả các đối tượng khác	80.901.924.290	80.901.924.290	7.466.887.026	7.466.887.026
	214.084.540.815	214.084.540.815	75.409.228.063	75.409.228.063
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	239.888.274	239.888.274	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	2.833.112.967	70.591.905.167	73.425.018.134	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	124.471.292	124.471.292	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	3.213.918.848	13.447.019.593	11.513.918.848	-	5.147.019.593
Thuế Thu nhập cá nhân	-	75.170.078	2.093.536.772	2.087.775.528	-	80.931.322
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	528.106.500	528.106.500	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	6.122.201.893	86.788.039.324	87.682.290.302	-	5.227.950.915

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	167.677.400	-
- Chi phí phải trả khác	1.162.822.344	970.461.738
	1.330.499.744	970.461.738

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	322.114.358	478.121.994
- Bảo hiểm y tế	12.438.700	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	1.303.660
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	209.677.823	179.107.623
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	809.624.552	-
	1.353.855.433	658.533.277
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.145.910.700	1.745.054.700
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	18.468.000.000	18.468.000.000
	20.613.910.700	20.213.054.700

(*) Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh là khoản tiền đã nhận của đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/04/2011 về việc đầu tư Dự án Khu đô thị Việt Đức LEGEND CITY tại nút giao thông đường trục chính khu đô thị mới Mê Linh với quốc lộ 2A tại xã Đạo Đức, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc giữa Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE (Bên A) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức (Bên B), theo đó: các bên thống nhất sử dụng tư cách pháp lý, hóa đơn, mã số thuế, tài khoản của Bên A trong quá trình triển khai thực hiện Dự án, thành lập Ban điều hành Dự án để thay mặt các bên triển khai các thủ tục pháp lý, tổ chức quản lý kinh doanh và giám sát việc thực hiện hợp đồng; lợi nhuận sau thuế của Dự án được phân chia cho các bên theo tỷ lệ vốn đã góp, trong trường hợp cần thiết các bên sẽ phân chia sản phẩm của Dự án cho mỗi bên theo tỷ lệ vốn đã góp. Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là 1.000 tỷ đồng, trong đó vốn tự có là 200 tỷ đồng (Công ty Cổ phần Ống thép Việt - Đức VG PIPE góp 26% tương đương 52 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Đức góp 74% tương đương 148 tỷ đồng), vốn vay và huy động của các tổ chức cá nhân khác là 800 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên ⁽¹⁾	88.450.070.525	88.450.070.525	1.208.386.300.947	1.128.100.070.532	168.736.300.940	168.736.300.940
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Xuyên ⁽²⁾	37.986.094.424	37.986.094.424	425.977.249.672	422.263.344.096	41.700.000.000	41.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽³⁾	46.239.817.489	46.239.817.489	365.221.093.420	341.607.416.219	69.853.494.690	69.853.494.690
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Vĩnh Phúc ⁽⁴⁾	13.724.500.000	13.724.500.000	255.400.000.000	216.124.500.000	53.000.000.000	53.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Vĩnh Phúc	13.915.635.340	13.915.635.340	-	13.915.635.340	-	-
	200.316.117.778	200.316.117.778	2.254.984.644.039	2.122.010.966.187	333.289.795.630	333.289.795.630



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/1509578/HĐTD ngày 30/06/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 370 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn cấp hạn mức: kể từ ngày ký đến hết ngày 30/06/2017;
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi, lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay hiện tại là 7,1%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu từ khách hàng lớn.

- (2) Hợp đồng tín dụng số 16.071.0002/2016-HĐTDHM/NHCT262-VG PIPE ngày 14/07/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn của hợp đồng: kể từ ngày ký đến hết ngày 10/07/2017;
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi, lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay hiện tại từ 5,8%/năm đến 6,9%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu khách hàng lớn.

- (3) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01816022/HĐTD ngày 19/07/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh và mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký;
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi, lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay hiện tại từ 6,5%/năm đến 7%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: hàng tồn kho luân chuyển và công nợ phải thu khách hàng lớn.

- (4) Hợp đồng tín dụng số 390.86/2016/HĐTD-LPBVP ngày 26/05/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
 - + Hạn mức tín dụng: 100 tỷ đồng;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm;
 - + Lãi suất cho vay: thả nổi, lãi suất áp dụng đối với dư nợ vay hiện tại là 7,2%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: quyền đòi nợ phát sinh với Doanh nghiệp tư nhân Nam Châm theo Hợp đồng thế chấp và các phụ lục có liên quan.



20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	18.376.148.338	33.741.426.024	479.935.197.569
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	27.053.985.807	27.053.985.807
Phân phối lợi nhuận năm 2015	-	-	-	2.705.398.581	(6.763.496.454)	(4.058.097.873)
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	-	(9.000.827.500)	(9.000.827.500)
Số dư cuối năm trước	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	21.081.546.919	45.031.087.877	493.930.258.003
Số dư đầu năm nay	375.997.100.000	67.810.722.053	(15.990.198.846)	21.081.546.919	45.031.087.877	493.930.258.003
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	52.561.271.806	52.561.271.806
Chia cổ tức năm 2015 ⁽¹⁾	-	-	-	-	(36.003.310.000)	(36.003.310.000)
Phân phối lợi nhuận năm 2016 ⁽²⁾	-	-	-	5.256.127.181	(13.140.317.952)	(7.884.190.771)
Tái phát hành cổ phiếu quỹ ⁽³⁾	-	2.024.664.646	15.990.198.846	-	-	18.014.863.492
Số dư cuối năm nay	375.997.100.000	69.835.386.699	-	26.337.674.100	48.448.731.731	520.618.892.530

(1) Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 26/03/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp dùng để phân phối	100,00%	45.031.087.877
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	79,95%	36.003.310.000
Lợi nhuận chưa phân phối	20,05%	9.027.777.877

(2) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 31/12/2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN	100,00%	52.561.271.806
Trích Quỹ đầu tư phát triển	10,00%	5.256.127.181
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	15,00%	7.884.190.771
Lợi nhuận chưa phân phối	75,00%	39.420.953.854

(3) Theo Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu quỹ ngày 24/09/2016, Công ty đã hoàn tất việc bán toàn bộ 1.596.400 cổ phiếu quỹ trong thời gian từ 01/09 đến 23/09/2016 với giá giao dịch bình quân 11.300 đồng/cổ phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Ông Lê Minh Hải	7,60%	28.575.000.000	6,03%	22.660.000.000
- Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	6,28%	23.624.990.000	6,28%	23.624.990.000
- Các cổ đông khác	86,12%	323.797.110.000	83,44%	313.748.110.000
- Cổ phiếu quỹ	0,00%	-	4,25%	15.964.000.000
	100%	375.997.100.000	100%	375.997.100.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	375.997.100.000	375.997.100.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	36.003.310.000	9.000.827.500
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	36.003.310.000	9.000.827.500

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	37.599.710	37.599.710
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	37.599.710
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	-	1.596.400
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	1.596.400
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.599.710	36.003.310
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	37.599.710	36.003.310
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	26.337.674.100	21.081.546.919
	26.337.674.100	21.081.546.919

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.189,17	1.626,78

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	1.233.706.472.329	937.168.522.541
Doanh thu bán thành phẩm	1.764.966.953.664	1.333.532.455.212
Doanh thu cung cấp dịch vụ	56.190.807.510	31.697.399.035
	3.054.864.233.503	2.302.398.376.788
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.)	115.130.939.192	90.687.518.048

23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	27.888.135.195	15.101.909.864
Hàng bán bị trả lại	402.066.204	899.634.807
Giảm giá hàng bán	95.156.754	385.490.893
	28.385.358.153	16.387.035.564

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.234.792.873.372	930.217.789.423
Giá vốn của thành phẩm đã bán	1.533.704.657.652	1.196.847.704.867
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	58.895.265.639	31.559.363.958
	2.827.392.796.663	2.158.624.858.248

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	13.375.245.567	17.497.670.780
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	39.579.735
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	320.962	1.019.205.756
	13.375.566.529	18.556.456.271

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	20.613.518.880	24.265.102.436
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	170.791.921
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	4.591.227	724.142
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(168.050.299)	207.485.356
	20.450.059.808	24.644.103.855

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPEKhu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.294.648.726	655.387.696
Chi phí nhân công	10.645.712.548	8.775.988.521
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.322.866.493	915.186.092
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.070.780.817	33.545.055.892
Chi phí khác bằng tiền	2.259.478.803	1.107.011.458
	93.593.487.387	44.998.629.659

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.433.011.873	1.317.166.856
Chi phí nhân công	17.724.362.979	13.108.772.229
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.329.477.737	2.642.705.731
Thuế, phí, lệ phí	1.166.610.400	874.965.180
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(60.000.000)	19.960.553.187
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.402.950.473	1.962.307.939
Chi phí khác bằng tiền	2.975.819.431	1.929.432.895
	28.972.232.893	41.795.904.017

29 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ tiền phạt, tiền đền bù tổn thất	78.977.500	421.891.511
Thu nhập khác	12.215.403	387.270
	91.192.903	422.278.781

30 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.300.329.847	9.769.982
Các khoản bị phạt	122.366.572	235.000.000
Chi phí khác	1.106.070.213	644.555.339
	3.528.766.632	889.325.321

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
<i>Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh</i>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	66.008.291.399	34.037.255.176
Các khoản điều chỉnh tăng	1.226.806.565	879.091.667
- Chi phí không hợp lệ	1.226.806.565	879.091.667
Thu nhập chịu thuế TNDN	67.235.097.964	34.916.346.843
- Thu nhập từ hoạt động được ưu đãi thuế	-	34.916.346.843
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hoạt động được ưu đãi	-	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	13.447.019.593	6.983.269.369
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	3.213.918.848	1.158.931.170
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(11.513.918.848)	(4.928.281.691)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.147.019.593	3.213.918.848

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.499.023.317.254	1.158.779.809.120
Chi phí nhân công	51.482.589.494	31.707.272.096
Chi phí khấu hao tài sản cố định	26.543.055.781	15.983.434.157
Chi phí dịch vụ mua ngoài	151.136.596.987	40.512.808.590
Chi phí khác bằng tiền	12.543.526.912	4.724.935.020
Chi phí dự phòng	(60.000.000)	19.960.553.187
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	1.740.669.086.428	1.271.668.812.170

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	10.694.428.470	-	20.397.307.715	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	359.746.003.051	(33.349.132.198)	226.659.017.084	(33.409.132.198)
Các khoản cho vay	104.000.000.000	-	130.000.000.000	-
	474.440.431.521	(33.349.132.198)	377.056.324.799	(33.409.132.198)

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	333.289.795.630	200.316.117.778
Phải trả người bán, phải trả khác	236.052.306.948	96.280.816.040
Chi phí phải trả	1.330.499.744	970.461.738
	570.672.602.322	297.567.395.556

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ỐNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	10.694.428.470	-	-	10.694.428.470
Phải thu khách hàng, phải thu khác	326.396.870.853	-	-	326.396.870.853
Các khoản cho vay	-	104.000.000.000	-	104.000.000.000
	337.091.299.323	104.000.000.000	-	441.091.299.323
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	20.397.307.715	-	-	20.397.307.715
Phải thu khách hàng, phải thu khác	193.249.884.886	-	-	193.249.884.886
Các khoản cho vay	-	130.000.000.000	-	130.000.000.000
	213.647.192.601	130.000.000.000	-	343.647.192.601

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	333.289.795.630	-	-	333.289.795.630
Phải trả người bán, phải trả khác	215.438.396.248	20.613.910.700	-	236.052.306.948
Chi phí phải trả	1.330.499.744	-	-	1.330.499.744
	550.058.691.622	20.613.910.700	-	570.672.602.322
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	200.316.117.778	-	-	200.316.117.778
Phải trả người bán, phải trả khác	76.067.761.340	20.213.054.700	-	96.280.816.040
Chi phí phải trả	970.461.738	-	-	970.461.738
	277.354.340.856	20.213.054.700	-	297.567.395.556

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ỚNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

34 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	1.736.581.595.511	1.233.706.472.329	56.190.807.510	3.026.478.875.350	-	3.026.478.875.350
Chi phí bộ phận trực tiếp	1.533.704.657.652	1.234.792.873.372	58.895.265.639	2.827.392.796.663	-	2.827.392.796.663
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	202.876.937.859	(1.086.401.043)	(2.704.458.129)	199.086.078.687	-	199.086.078.687
Tổng chi phí mua TSCĐ	16.200.669.711	-	-	16.200.669.711	-	16.200.669.711
Tài sản bộ phận	556.208.111.544	227.568.662.787	46.201.495.342	829.978.269.673	-	829.978.269.673
Tài sản không phân bổ	-	-	-	288.361.047.937	-	288.361.047.937
Tổng tài sản	556.208.111.544	227.568.662.787	46.201.495.342	1.118.339.317.610	-	1.118.339.317.610
Nợ phải trả bộ phận	354.556.103.540	207.954.174.959	3.003.916.886	565.514.195.385	-	565.514.195.385
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	32.206.229.695	-	32.206.229.695
Tổng nợ phải trả	354.556.103.540	207.954.174.959	3.003.916.886	597.720.425.080	-	597.720.425.080

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không phải lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

35 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	2.254.984.644.039	1.848.801.980.116
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	2.122.010.966.187	2.139.678.936.870

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ		115.130.939.192	90.687.518.048
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	7.806.795.517	27.620.752.530
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	104.637.270.331	61.537.020.414
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	2.686.873.344	1.529.745.104
Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ		1.320.067.151	3.885.757.947
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	126.660.000	297.779.802
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	393.793.071	2.845.215.835
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	799.614.080	742.762.310
Mua tài sản		6.000.000.000	-
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	6.000.000.000	-
Bán tài sản		-	15.130.000.000
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	-	15.130.000.000
Lãi cho vay vốn		13.295.377.778	17.457.593.332
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	13.295.377.778	17.457.593.332

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		10.047.036.043	20.076.192.211
Công ty CP Thép và Vật tư Công nghiệp	(*)	2.775.606.572	1.231.251.360
Công ty CP Thép Việt Đức	Công ty con	7.271.429.471	18.750.737.269
Công ty CP Sản xuất Thép Việt Đức	Công ty liên kết	-	94.203.582
Cho vay dài hạn		104.000.000.000	130.000.000.000
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	104.000.000.000	130.000.000.000
Phải thu lãi cho vay		1.026.111.111	1.336.482.222
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	1.026.111.111	1.336.482.222
Phải trả người bán		239.888.274	-
Công ty CP Sản xuất thép Việt Đức	Công ty liên kết	239.888.274	-
Phải trả khác		18.468.000.000	18.468.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Việt Đức	Công ty liên kết	18.468.000.000	18.468.000.000

(*) Tổng Giám đốc Công ty CP Thép và Vật tư Công Nghiệp là vợ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN ÓNG THÉP VIỆT - ĐỨC VG PIPE

Khu công nghiệp Bình Xuyên,
Xã Đạo Đức, Huyện Bình Xuyên, Tỉnh Vĩnh Phúc

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.176.000.000	1.153.500.000

38 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.




Nguyễn Thị Thúy
Người lập


Nguyễn Thị Thúy
Kế toán trưởng


Nguyễn Hữu Thế
Tổng Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 20 tháng 03 năm 2017

